TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **69**/2026/QĐST- DS	

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026; về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2026/TLST- DS ngày 19 tháng 3 năm 2026;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: H L, phường Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoàng Cao T, sinh năm 1998; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V - chi nhánh P; địa chỉ: 1 H, phường T, tỉnh Đắk Lắk. (Theo Giấy ủy quyền số 55/2026/UQ-VPB ngày 01 tháng 4 năm 2026).

- Bị đơn: Dương Thị Quỳnh D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn Dương Thị Quỳnh D thừa nhận có vay, còn nợ và chấp nhận trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V tổng số tiền **3.424.498.202đ *(Ba tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn hai trăm lẻ hai đồng)*** trong đó: nợ gốc 2.933.751.487 đồng và nợ lãi tính đến ngày 14/8/2026 là **490.746.715đ (*Bốn trăm chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm mười lăm đồng*)**. Cụ thể:

- Bị đơn chấp nhận trả cho ngân hàng nợ gốc 2.926.000.000đ (*Hai tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày 14/8/2026 là 482.837.150đ (*Bốn trăm tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng*), tổng cộng 3.408.837.150đ (*Ba tỷ bốn trăm lẻ tám triệu tám trăm ba mươi*

*bảy nghìn một trăm năm mươi đồn*g) phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 10351288 ngày 27/12/2024 giữa nguyên đơn với bị đơn.

- Bị đơn chấp nhận trả cho ngân hàng nợ gốc 7.751.487đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng*), nợ lãi tính đến 14/8/2026 là 7.909.565đ (*Bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng*), tổng cộng 15.661.052đ (*Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu mốt nghìn không trăm năm mươi hai đồng*) phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD2225800319 ngày 15/9/2022 giữa nguyên đơn với bị đơn.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 781, tờ bản đồ 371-B, diện tích 150m^2; loại đất ở đô thị, tọa lạc tại Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA997098 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp ngày 31/10/2016 (*đăng ký biến động ngày 20/8/2019*) do bà Dương Thị Quỳnh D đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05114 ngày 06/12/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 27/12/2024 (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 05114 ngày 06/12/2021).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 81, tờ bản đồ 108, diện tích 293,3m^2; loại đất ở đô thị, tọa lạc tại phường P, TP T, tỉnh Phú Yên (nay là Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ907642 do Ủy ban nhân dân Thành phố T, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp ngày 22/5/2015 (*đăng ký biến động ngày 19/3/2021*) do bà Dương Thị Quỳnh D đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2205115743318/HĐTC ngày 12/5/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 27/12/2024 (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số LN2205115743318/HĐTC ngày 12/5/2022).

Kể từ ngày 15/8/2026, bị đơn bà Dương Thị Quỳnh D còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bị đơn bà Dương Thị Quỳnh D phải chịu 100.490.000đ (*Một trăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V 46.407.000đ (*Bốn mươi sáu triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002786 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí xem xét thẩm định: Tổng chi phí là 10.000.000đ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ nên bị đơn phải hoàn trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho nguyên đơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mộng Tuyền